

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1058/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 28 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình: Bãi rác thải
khu trung tâm thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 3185/QĐ-UBND ngày 24/10/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án hỗ trợ đầu tư bãi chứa, chôn lấp rác thải các thị trấn thuộc các huyện, phục vụ phát triển bền vững tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 3672/QĐ-UBND ngày 07/11/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng công trình: Bãi rác thải khu trung tâm thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định;

Căn cứ Văn bản số 919/UBND-THKT ngày 29/01/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện một số nội dung của Luật Đầu tư công và Luật Xây dựng;

Căn cứ văn bản số 2809/UBND-NN ngày 01/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chủ trương điều chỉnh Dự án bãi rác thải Khu trung tâm thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 13/Tr-UBND ngày 26/01/2016 (kèm theo hồ sơ) của UBND huyện Yên Định về việc thẩm định, phê duyệt điều chỉnh, bổ sung lần 2 bãi rác thải khu trung tâm thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị tại Tờ trình số 902/SKHĐT-TĐ ngày 22/3/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình: Bãi rác thải khu trung tâm thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Khái quát về dự án

- Dự án bãi rác thải khu trung tâm thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án tại Quyết định số 3672/QĐ-UBND ngày 07/11/2012 với tổng mức đầu tư (TMĐT) là 29.253 triệu đồng, sử dụng công nghệ chôn lấp với công suất thiết kế 22 tấn/ngày đêm, gồm đầu tư xây dựng đường vào bãi rác, đường nội bộ, tường rào, hồ chôn rác, san nền, mương thoát nước, đường vào ống thu gom nước rác, nhà quản lý, nhà để xe, nhà điều hành và phòng đặt máy, hệ thống bể xử lý và sân phơi bùn, cấp điện; nguồn vốn: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% TMĐT dự án từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường; UBND huyện Yên Định huy động các nguồn hợp pháp đối ứng phần vốn còn lại.

- Kế hoạch vốn đã bố trí cho dự án là 6.417 triệu đồng từ ngân sách tỉnh.

- UBND huyện Yên Định (chủ đầu tư) phê duyệt kế hoạch đấu thầu (KHĐT) một số hạng mục công trình (2/5 ô chôn lấp rác tương ứng với công suất 6,6 tấn/ngày; tuyến đường vào bãi rác; tuyến đường nội bộ; mương thoát nước mưa; khu xử lý nước rỉ rác và một số hạng mục phụ trợ như hàng rào, cây xanh, đường điện) tại Quyết định số 995B/QĐ-UBND ngày 23/7/2013. Tổ chức lựa chọn nhà thầu và thi công hoàn thành các hạng mục công trình trên với giá trị thực hiện khoảng 11.292 triệu đồng. Các hạng mục còn lại chưa triển khai thực hiện.

2. Lý do điều chỉnh

Do công nghệ xử lý rác bằng chôn lấp có nhiều hạn chế như diện tích sử dụng đất để xây dựng các ô chôn lấp rác lớn, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nước và không khí quanh khu vực nên Chủ tịch UBND tỉnh đã đồng ý chủ trương điều chỉnh một phần công nghệ của dự án từ chôn lấp sang lò đốt tại Văn bản số 2809/UBND-NN ngày 01/4/2015; đồng thời, cần phải điều chỉnh, bổ sung một số hạng mục công trình phục vụ công nghệ lò đốt, đảm bảo cho lò đốt được hoạt động bình thường. Vì vậy, việc điều chỉnh dự án bãi rác thải khu trung tâm thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định là cần thiết.

3. Nội dung điều chỉnh

3.1. Nội dung điều chỉnh dự án

Điều chỉnh một phần công nghệ của dự án từ chôn lấp sang công nghệ lò đốt, tương ứng với công suất thiết kế 15,4 tấn/ngày đêm. Theo đó, phải điều chỉnh, bổ sung một số hạng mục công trình sau:

- San nền: Diện tích khu vực san nền $S=4.000m^2$ với cao độ thiết kế san nền cao nhất +9.40, thấp nhất +8.50, hướng thoát nước san nền từ Tây Bắc xuống Đông Nam.

- Nhà đặt lò đốt (kết hợp nhà tập kết rác trước khi đưa vào lò): mặt bằng hình chữ nhật, kích thước (10x50)m; nhà cao 2 tầng (tầng 1 cao 5,7m, tầng 2 cao 2,5m); kết cấu khung BTCT chịu lực, sàn đổ BTCT, tường xây gạch không nung, ngoài trát vữa xi măng, lăn sơn trực tiếp; mái lắp xà gỗ, lợp tôn lượn sóng màu xanh.

- Sân phơi, sân phân loại rác: Diện tích $S=1.753m^2$, kết cấu bằng bê tông dày 10cm trên lớp nilông tái sinh, cát lót dày 5cm.

- Nhà quản lý: mặt bằng hình chữ nhật, kích thước (14,3x7,28)m, nhà cao 1 tầng, trong nhà bố trí phòng làm việc và phòng nghỉ (có WC riêng), kết cấu khung BTCT chịu lực; sàn đổ BTCT; tường xây gạch không nung, ngoài trát vữa xi măng, lăn sơn trực tiếp; nền nhà lát gạch (400x400)mm; mái lắp xà gồ, lợp tôn lượn sóng màu xanh; cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa nhựa lõi thép.

- Nhà để xe: Mặt bằng hình chữ nhật, kích thước (34x5)m; kết cấu khung thép chịu lực; mái lắp xà gồ lợp tôn lượn sóng màu xanh.

- Nhà kho: Mặt bằng hình chữ nhật, kích thước (9,5x6,5)m, nhà cao 1 tầng, kết cấu khung BTCT chịu lực, sàn đổ BTCT, tường xây gạch không nung, ngoài trát vữa xi măng, lăn sơn trực tiếp; mái lắp xà gồ lợp tôn lượn sóng màu xanh, cửa sử dụng cửa sắt kéo.

- Mương thoát nước mưa quanh khu vực lò đốt: Dài $L=599m$, kích thước $b \times h = (0,4 \times 0,6)m$, kết cấu đáy bằng bê tông, thành xây gạch vữa xi măng.

- Đường giao thông nội bộ: Gồm 2 tuyến, tuyến 1 dài 77m từ tuyến đường đã được đầu tư đến khu lò đốt; tuyến 2 dài 39m từ khu nhà quản lý vào khu lò đốt, mặt đường rộng $B=5m$, kết cấu bằng bê tông dày 20cm.

3.2. Tổng mức đầu tư điều chỉnh: 34.263 triệu đồng;

Trong đó:

- | | |
|----------------------------|--------------------|
| - Chi phí xây dựng: | 17.813 triệu đồng; |
| - Chi phí thiết bị: | 8.500 triệu đồng; |
| - Chi phí quản lý dự án: | 425 triệu đồng; |
| - Chi phí tư vấn ĐTXD: | 2.094 triệu đồng; |
| - Chi phí khác: | 449 triệu đồng; |
| - Chi phí bồi thường GPMB: | 2.650 triệu đồng; |
| - Chi phí phòng: | 2.332 triệu đồng. |

(Chi tiết tổng mức đầu tư điều chỉnh có phụ biểu kèm theo)

3.3. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% tổng mức đầu tư dự án; UBND huyện huy động từ ngân sách huyện và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác để đầu tư phần còn lại theo Quyết định số 3185/QĐ-UBND ngày 24/10/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Yêu cầu UBND huyện Yên Định (Chủ đầu tư):

- Báo cáo, làm rõ trách nhiệm trong việc phê duyệt kế hoạch đấu thầu công trình trên không đúng thẩm quyền.

- Trước khi thực hiện các bước tiếp theo của quá trình đầu tư xây dựng, yêu cầu chủ đầu tư khẩn trương lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

- Có trách nhiệm tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng công trình theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên môi trường; Kho bạc Nhà nước tỉnh, UBND huyện Yên Định (Chủ đầu tư) và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, PggN.

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

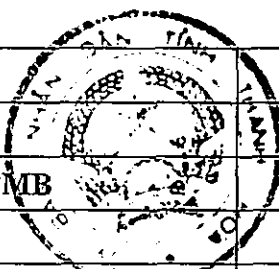
PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH

**Phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng công trình bãi rác thải khu trung tâm thị trấn
Quận Lào, huyện Yên Định**

(Kèm theo Quyết định số: 1958/QĐ-UBND ngày 28/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung chi phí	TMĐT theo Quyết định số 3672/QĐ-UBND ngày 07/11/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh	TMĐT điều chỉnh	Chênh lệch
I	Chi phí xây dựng	19.063	17.813	-1.250
II	Chi phí thiết bị	2.063	8.500	6.437
III	Chi phí quản lý dự án	351	425	74
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	1.579	2.094	515
1	Khảo sát xây dựng (bước lập dự án)	169,90	169,90	0,00
2	Lập dự án	90,50	90,50	0,00
3	Lập điều chỉnh dự án		32,00	32,00
4	Khảo sát xây dựng (bước lập TKBVTC)	120,00	311,90	191,90
5	Lập TKBVTC-DT	384,60	449,90	65,30
6	Thẩm tra TKBVTC-DT	53,70	69,27	15,57
7	Tư vấn lựa chọn nhà thầu các gói thầu	56,40	67,90	11,50
8	Giám sát thi công và mua sắm, lắp đặt thiết bị công trình	395,30	479,50	84,20
9	Kiểm tra, chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình	138,40	30,00	-108,40
10	Giám sát, đánh giá dự án	70,20	93,50	23,30
11	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	100,00	200,00	100,00
12	Lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường		100,00	100,00
V	Chi phí khác	360	449	89,00
1	Bảo hiểm xây dựng công trình	57,20	53,44	-3,76
2	Lệ phí thẩm định dự án, thẩm định điều chỉnh dự án	4,70	6,00	1,30
3	Thẩm định KQĐT, HSMT (HSYC) các gói thầu	1,90	2,46	0,56
4	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	32,20	84,23	52,03
5	Kiểm toán	105,30	163,20	57,90



6	Rà phá bom mìn	140,00	140,00	0,00
7	Một số chi phí khác	19,10		-19,10
VI	Chi phí bồi thường GPMB	3.178	2.650	-528,00
VII	Chi phí dự phòng	2.659	2.332	-327,00
1	Cho khối lượng phát sinh (10% cho phần chưa thực hiện)		1.646	
2	Cho yếu tố trượt giá		686	
	Tổng cộng	29.253	34.263	5.010